

CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA NHÀ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ NƯỚC THEO QUY ĐỊNH CỦA HIỆP ĐỊNH ĐẦU TƯ TOÀN DIỆN ASEAN - SỰ PHÙ HỢP VỚI ĐẶC THÙ KHU VỰC VÀ MỘT SỐ HẠN CHẾ

Nguyễn Thuỳ Dương¹

Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

Đỗ Nữ Hà Phương

Viện Châu Âu, Đại học Saarland, Cộng hoà Liên bang Đức

Ngày nhận: 30/03/2021; Ngày hoàn thành biên tập: 01/06/2021; Ngày duyệt đăng: 12/07/2021

Tóm tắt: Một trong các biện pháp bảo hộ đầu tư quan trọng của các hiệp định về đầu tư là cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước (ISDS). Cơ chế này cho phép nhà đầu tư nước ngoài có thể khởi kiện nhà nước tiếp nhận đầu tư khi họ bị xâm phạm các quyền và lợi ích cơ bản do hành vi vi phạm một hiệp định đầu tư đã ký kết của nhà nước. Bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học luật, bao gồm: tổng hợp, phân tích, so sánh luật, nghiên cứu lý thuyết khoa học pháp lý, bài viết phân tích các đặc thù của cơ chế ISDS với vai trò là một biện pháp bảo hộ đầu tư, đồng thời làm rõ các quy định của Hiệp định Đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA) về cơ chế ISDS. Một trong những đặc điểm nổi bật của cơ chế này là sự cân nhắc giữa việc đảm bảo quyền điều tiết của các nước tiếp nhận đầu tư và mục tiêu bảo vệ nhà đầu tư nước ngoài. Từ đó, bài viết đánh giá về sự phù hợp của cơ chế ISDS với đặc thù của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đồng thời đưa ra một số hạn chế cơ bản của cơ chế này.

Từ khóa: ISDS, ACIA, Khu vực đầu tư ASEAN, Bảo hộ đầu tư

THE INVESTOR-STATE DISPUTE SETTLEMENT MECHANISM IN ACCORDANCE WITH THE ASEAN INVESTMENT COMPREHENSIVE AGREEMENT - THE APPROPRIATENESS AND LIMITATIONS WITH REGIONAL IDENTITY

Abstract: One of the most important investment protection measures in the investment treaties is the investor-state dispute settlement mechanism (ISDS). This mechanism allows investors to sue the state receiving investment when their basic rights and interests are infringed because the state violates the investment agreement. With the use of legal research methodologies focusing on comparative and doctrinal methods the study analyzes the specifics of the ISDS mechanism as a measure to protect investors and clarify the provisions of the ACIA on the ISDS mechanism at

¹ Tác giả liên hệ, Email: duongnt@hlu.edu.vn

the same time. One of the features of this mechanism is the thorough consideration of ensuring the control of the host state and the aims of protecting foreign investors. Based on these results, this study assesses the suitability of this mechanism with the regional characteristics and points out its fundamental limitations.

Keywords: ASEAN Investment Area, Investor-State Dispute Settlement, Investment protection, ACIA.

1. Đặt vấn đề

Một trong những mục tiêu quan trọng nhất của ASEAN là mở rộng trao đổi thương mại giữa các nước thành viên, tăng cường và thu hút đầu tư giữa các nước trong khu vực cũng như giữa ASEAN và các nước thứ ba. Mục tiêu thúc đẩy tự do lưu chuyển các dòng đầu tư của ASEAN đã được các quốc gia thành viên thực hiện tương đối sớm. Các quốc gia thành viên ASEAN đã ký kết Hiệp định ASEAN về Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư (IGA) năm 1987 với mục đích xúc tiến và bảo hộ hoạt động đầu tư đã được thực hiện giữa các nhà đầu tư ASEAN. Tiếp đó, Hiệp định khung về Khu vực đầu tư ASEAN (AIA) năm 1998 được ký kết với mục tiêu tập trung vào dỡ bỏ các rào cản đối với các hoạt động đầu tư mới trong khu vực. Mục tiêu của Khu vực đầu tư ASEAN được xác định nhằm thiết lập một khu vực đầu tư ASEAN cạnh tranh, môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch giữa các quốc gia thành viên, tăng cường thu hút dòng FDI vào ASEAN; mở cửa đầu tư vào tất cả các ngành cho các nhà đầu tư ASEAN đến năm 2010 và cho tất cả các nhà đầu tư đến năm 2020, với một số ngoại lệ cụ thể (Lakatos, 2014).

Trong giai đoạn xây dựng Cộng đồng ASEAN (2003-2015), Kế hoạch tổng thể Xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) cũng đặt ra mục tiêu xây dựng ASEAN trở thành một thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất với năm nội dung cốt lõi: tự do lưu chuyển hàng hoá, tự do lưu chuyển dịch vụ, tự do lưu chuyển đầu tư, tự do lưu chuyển dòng vốn và tự do lưu chuyển lao động lành nghề (Mục A, Điểm 9, Phần II) (The ASEAN Secretariat, 2009). Với mục tiêu mới đặt ra của Cộng đồng Kinh tế ASEAN, Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN lần thứ 39 đã quyết định rà soát IGA và AIA, soạn thảo một văn bản mới toàn diện hơn, tiếp tục tăng cường hội nhập khu vực cũng như duy trì một môi trường đầu tư cạnh tranh trong khối. Dựa trên các nền tảng từ hai hiệp định AIA và IGA, các quốc gia thành viên ASEAN tiếp tục thoả thuận và ký kết ACIA năm 2009, nhằm tạo ra một môi trường đầu tư tự do và minh bạch, hiện thực hoá các mục tiêu đặt ra của AEC. ACIA một mặt kế thừa các điều khoản quan trọng về đầu tư của IGA và AIA trước đó như điều khoản đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc, mặt khác tạo ra bốn nội dung trụ cột cơ bản của khu vực đầu tư ASEAN, bao gồm: (i) Tự do hoá đầu tư, (ii) Bảo hộ đầu tư, (iii) Khuyến khích đầu tư, và (iv) Thuận lợi hoá đầu tư. ACIA được coi là hiệp định toàn diện nhất của ASEAN liên quan đến lĩnh vực đầu tư trong khu vực, với các tiêu chuẩn quốc tế hiện đại về tự do hoá và bảo hộ đầu tư được đưa vào khi soạn thảo (Lakatos, 2014).

Khi ACIA được ký kết, các nội dung hợp tác về bảo hộ đầu tư, thuận lợi hoá đầu tư, xúc tiến đầu tư và tự do hoá đầu tư được đưa vào một hiệp định toàn diện duy nhất. Về nội dung bảo hộ đầu tư, một điểm đáng chú ý là cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước (ISDS) được đánh giá là hoàn chỉnh và tiến bộ hơn IGA. Ngay cả so với các hiệp định đầu tư giữa ASEAN - Hàn Quốc, Trung Quốc và Ấn Độ, các điều khoản của ACIA về cơ chế ISDS được đánh giá là cụ thể hơn, đặc biệt là các quy định bổ sung cho quy tắc trọng tài áp dụng trong cơ chế này (Hsieh & Mercurio, 2019; Nipawan, 2015). Tuy nhiên, cơ chế ISDS theo quy định của ACIA cho đến nay chưa được sử dụng trên thực tế (UNCTAD, 2020b)². Nhiều quan điểm cho rằng, các điều khoản về cơ chế ISDS của ACIA được cam kết theo hướng đảm bảo chủ quyền của các quốc gia thành viên nhiều hơn là bảo vệ cho lợi ích của nhà đầu tư ASEAN (Hsieh & Mercurio, 2019). Có thể thấy, việc phân tích, làm rõ các quy định của ACIA về cơ chế ISDS nhằm cung cấp thêm những đánh giá có giá trị về sự linh hoạt, phù hợp của ACIA với đặc thù hợp tác của hiệp hội cũng như những hạn chế của cơ chế này là cần thiết. Từ đó, các nhà hoạch định chính sách của ASEAN, các nhà nghiên cứu có thể tiếp tục đưa ra hướng hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung và tăng cường hiệu quả của việc sử dụng cơ chế ISDS trên thực tế.

Bằng việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học luật, bao gồm: tổng hợp, phân tích, so sánh luật, nghiên cứu lý thuyết khoa học pháp lý (doctrinal methodology), bài viết giới thiệu vai trò của cơ chế ISDS trong việc bảo hộ đầu tư; đồng thời làm rõ các điểm khác biệt của cơ chế này với các cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế thông thường trong Phần 2. Phần 3 hệ thống, cung cấp cho người đọc tổng quan cơ chế ISDS theo quy định của ACIA, bao gồm phạm vi giải quyết tranh chấp; thủ tục, biện pháp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp; thi hành phán quyết. Phần 4 đưa ra đánh giá về sự phù hợp, linh hoạt trong các quy định của cơ chế ISDS với đặc thù hợp tác của ASEAN, đồng thời chỉ ra một số hạn chế cơ bản của cơ chế này.

2. Tổng quan về ISDS

2.1 Cơ chế ISDS trong các hiệp định đầu tư quốc tế - một biện pháp bảo hộ đầu tư

Các nhà đầu tư luôn đặt sự quan tâm đặc biệt vào các cơ chế bảo vệ quyền và tài sản của mình khi đầu tư vào một quốc gia khác nhằm giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra trong việc đầu tư kinh doanh. Khi các khoản đầu tư hiện diện tại lãnh thổ quốc gia sở tại, việc bảo vệ quyền đối với tài sản của nhà đầu tư nước ngoài phụ thuộc rất nhiều vào chính sách, quy định của các quốc gia đó. Việc bảo vệ các khoản đầu tư và quyền lợi của các nhà đầu tư tại các nước tiếp nhận đầu tư trong nhiều trường hợp sẽ gặp khó khăn do các quốc gia được hưởng quyền miễn trừ tư pháp đặc biệt, bao gồm miễn trừ tài phán tại bất kỳ Toà án quốc gia nào; miễn trừ đối với các biện pháp cưỡng chế nhằm đảm bảo đơn kiện của tổ chức, cá nhân nước ngoài kiện mình nếu

² Xem thông tin thống kê theo quốc gia, bao gồm tên vụ việc, tên các nước liên quan, các hiệp định đầu tư được sử dụng trong vụ việc tranh chấp (cập nhật đến 31/12/2020) trên trang web của UNCTAD - <https://investmentpolicy.unctad.org/>, truy cập ngày 29/5/2021.

quốc gia đó đồng ý cho Tòa án nước ngoài xét xử vụ kiện mà quốc gia là bị đơn; và miễn trừ đối với các biện pháp cưỡng chế nhằm đảm bảo thi hành các phán quyết đối với vụ kiện (theo quy định tại Công ước của Liên Hợp Quốc về miễn trừ tài phán và miễn trừ tài sản của quốc gia năm 2004) (Tuấn, 2010). Vì vậy, việc thiết lập các cơ chế bảo vệ cho các khoản đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài (hay còn gọi là bảo hộ đầu tư) không thể thiếu trong các thoả thuận quốc tế về đầu tư.

Một trong các biện pháp bảo hộ đầu tư quan trọng trong các thoả thuận đầu tư quốc tế là cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước (Investor-State Dispute Settlement - ISDS). Cơ chế này cho phép nhà đầu tư có thể khởi kiện chính phủ quốc gia thành viên theo quy định về một hiệp ước về đầu tư khi có những lý do chính đáng để cho rằng quốc gia đó vi phạm các cam kết về đầu tư đã ký kết, gây thiệt hại cho quyền, lợi ích và tài sản của mình (Linh, 2018). Hơn nữa, nhà đầu tư không cần phải căn cứ vào quy định pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư để khởi động thủ tục khởi kiện (Chaisse & Donde, 2017). Khi đã thoả thuận thiết lập cơ chế này trong các Hiệp định về đầu tư, quốc gia ký kết đã chấp nhận khả năng có thể trở thành bị đơn trong một vụ kiện liên quan đến bảo vệ nhà đầu tư và khoản đầu tư nước ngoài (Marshall, 2017). Song, cơ chế này lại có thể giúp cho các quốc gia tăng tính hấp dẫn về môi trường đầu tư của nước mình, tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài (Chaisse & Donde, 2017). Với sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động đầu tư quốc tế, ISDS là một trong những vấn đề phát triển nhanh chóng nhất của luật quốc tế trong vòng 50 năm trở lại đây (Marshall, 2017). Tính đến thời điểm hiện tại, đã có tổng cộng 1104 vụ việc ISDS dựa trên các hiệp ước về đầu tư, trong đó có 354 vụ việc đang được giải quyết, 740 vụ việc đã có quyết định giải quyết cuối cùng, 10 vụ việc chưa có thông tin xác thực (UNCTAD, 2020b). Tính tới tháng 7 năm 2020, đã có 120 quốc gia đã trở thành bị đơn của ít nhất một vụ việc ISDS (UNCTAD, 2020a). Theo xu thế này, ISDS sẽ tiếp tục là một nội dung quan trọng và đưa vào các thoả thuận về hợp tác thương mại song phương, đa phương giữa các quốc gia.

2.2 Đặc điểm của cơ chế ISDS

So với các cơ chế giải quyết tranh chấp kinh tế - thương mại quốc tế giữa các quốc gia thông thường, cơ chế ISDS có nhiều nét đặc thù.

Thứ nhất, về *chủ thể tranh chấp*. Khác với cơ chế giải quyết tranh chấp kinh tế - thương mại truyền thống giữa các quốc gia, cơ chế ISDS cho phép nhà đầu tư trực tiếp khởi kiện nhà nước tiếp nhận đầu tư (Chaisse & Donde, 2017). Chủ thể được quyền khởi kiện là nhà đầu tư, có thể là cá nhân hoặc một pháp nhân đang thực hiện các hoạt động đầu tư kinh doanh tại lãnh thổ của một quốc gia thành viên khác. Các chủ thể có khả năng trở thành bị đơn không chỉ là các cơ quan nhà nước mà còn gồm cả các doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội của nước tiếp nhận đầu tư. Trước đây, trong trường hợp nước tiếp nhận đầu tư có hành vi vi phạm các hiệp định đầu tư, nhà đầu tư cần phải yêu cầu quốc gia của mình thực

hiện các biện pháp bảo hộ ngoại giao, hỗ trợ trong việc bảo vệ khoản đầu tư của mình tại nước tiếp nhận (Marshall, 2017). Tuy nhiên, việc hỗ trợ nhà đầu tư trong trường hợp này phụ thuộc vào tình hình chính trị, hoặc chính sách đối ngoại của quốc gia, do đó trong nhiều trường hợp quốc gia có thể từ chối hỗ trợ nhà đầu tư (Roberts, 2014). Việc trao quyền khởi kiện cho nhà đầu tư với chính phủ nước tiếp nhận đầu tư đã tạo điều kiện cho nhà đầu tư có nhiều cơ hội hơn để chủ động bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Thứ hai, về *phạm vi tranh chấp*. So với các tranh chấp kinh tế - thương mại giữa các quốc gia, phạm vi tranh chấp của cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và chính phủ quốc gia hẹp hơn, chỉ tập trung vào các quy định mà các quốc gia đã ký kết các thỏa thuận liên quan đến hoạt động đầu tư giữa hai quốc gia, liên quan trực tiếp đến tranh chấp trong hoạt động đầu tư của một nhà đầu tư cụ thể.

Thứ ba, về *phương thức giải quyết tranh chấp*. Đối với tranh chấp giữa nhà đầu tư và quốc gia nhận đầu tư, các bên có tranh chấp hoàn toàn có quyền chọn lựa phương thức giải quyết tranh chấp bằng thương lượng hoà giải, tham vấn hay trọng tài để giải quyết tranh chấp cũng như chọn lựa nguyên tắc giải quyết tranh chấp trong các nhóm nguyên tắc được các bên thỏa thuận trong hiệp định.

Thứ tư, về *hậu quả pháp lý của việc giải quyết tranh chấp*. Nhìn chung trong các phán quyết ISDS, phạt tiền là biện pháp được sử dụng phổ biến. Tuy từng vụ việc cụ thể mà ngoài phạt tiền, có thể kèm theo những yêu cầu khác đối với nhà đầu tư hoặc quốc gia nhận đầu tư. Số tiền phạt, yêu cầu bồi thường trong các vụ kiện về đầu tư tương đối lớn, thông thường sẽ lên tới vài triệu USD (Chaisse & Donde, 2017). Ví dụ, theo thống kê của Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), trong các phán quyết theo hướng có lợi cho nhà đầu tư, nước tiếp nhận phải bồi thường với mức trung bình khoảng 500 triệu USD (Ngân, 2021).

Như vậy, cơ chế ISDS là một cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế đặc biệt, cho phép cá nhân, pháp nhân có thể khởi kiện quốc gia - chủ thể có quyền miễn trừ tư pháp đặc biệt trong luật quốc tế. Cơ chế này xuất hiện để đáp ứng nhu cầu bảo vệ các khoản đầu tư của các nhà đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư, mặt khác cũng giúp cho các quốc gia tăng tính hấp dẫn và thúc đẩy thu hút đầu tư nước ngoài tại nước mình mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên, khi các bên muốn đưa vụ việc ra giải quyết tại trọng tài cần cân nhắc những vấn đề sau: Thứ nhất, các phán quyết trọng tài thông thường sẽ được giữ bí mật theo yêu cầu của các bên. Các cơ chế ISDS thông thường không có điều khoản để giám sát tính minh bạch của phán quyết trọng tài. Thứ hai, thiếu quy định về cơ chế xem xét lại hoặc khắc phục sai lầm của phán quyết trọng tài. Thứ ba, việc sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài sẽ có chi phí rất cao, không phải nhà đầu tư nào cũng có khả năng đáp ứng được để chi trả cho các chi phí này (UNCTAD, 2014).

3. Khái quát về cơ chế ISDS theo quy định của AICA

Phần tiếp theo phân tích, giải thích cụ thể các quy định của ACIA về cơ chế ISDS được sử dụng trong Khu vực đầu tư ASEAN, bao gồm các nội dung chính: phạm vi giải quyết tranh chấp; thủ tục, thẩm quyền và biện pháp giải quyết tranh chấp cũng như vấn đề thi hành phán quyết.

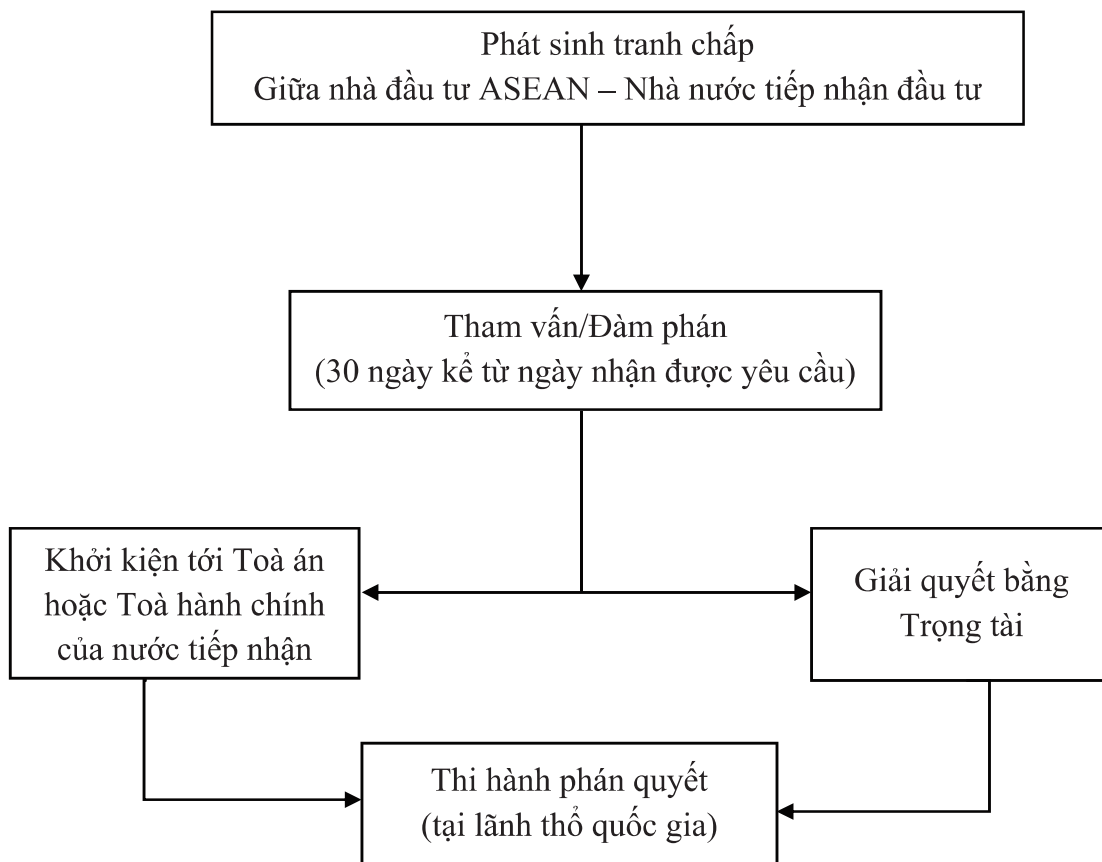
3.1 Phạm vi giải quyết tranh chấp

Thứ nhất, *về phạm vi theo chủ thể tranh chấp*. Theo quy định tại Điểm b, Điều 28 ACIA, “nhà đầu tư tranh chấp” được hiểu là nhà đầu tư của một quốc gia thành viên. Trong trường hợp nhà đầu tư là một pháp nhân, chủ thể sở hữu pháp nhân đó có thể khởi kiện với tư cách cá nhân hoặc với tư cách pháp nhân đó. Tuy nhiên, Khoản 2 Điều 29 ACIA quy định công dân của quốc gia thành viên không thể khởi kiện quốc gia mà mình mang quốc tịch theo cơ chế ISDS. Điều này thống nhất với khái niệm “nhà đầu tư ASEAN” được quy định tại Điểm d, Điều 4 ACIA, theo đó nhà đầu tư ASEAN là nhà đầu tư đã và đang tiến hành đầu tư trên lãnh thổ của các quốc gia thành viên khác với quốc gia mà mình mang quốc tịch.

Thứ hai, *về phạm vi theo tính chất tranh chấp*. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 ACIA, cơ chế ISDS có thể được áp dụng để giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước các quốc gia thành viên trong trường hợp các nước tiếp nhận đầu tư đã thực hiện các biện pháp vi phạm tới quyền của nhà đầu tư liên quan đến khoản đầu tư tại nước tiếp nhận theo quy định của ACIA, đồng thời gây ra hậu quả thiệt hại cho nhà đầu tư. Theo quy định tại Điều 32 ACIA, đối với các tranh chấp không đạt được thoả thuận sau khi giai đoạn tham vấn kết thúc, nhà đầu tư có thể tiếp tục đưa vụ việc giải quyết bằng trọng tài với các tranh chấp liên quan đến việc vi phạm nghĩa vụ của một quốc gia thành viên theo các điều khoản về Đối xử Quốc gia (Điều 5), Đối xử Tối Huệ quốc (Điều 6), Quản lý cấp cao và Ban Giám đốc (Điều 8), Đối xử đầu tư (Điều 11), Bồi thường trong trường hợp xung đột (Điều 12), Chuyển tiền (Điều 13), Trưng dụng và Bồi thường (Điều 14) liên quan đến việc quản lý, vận hành, bán hoặc định đoạt một khoản đầu tư được điều chỉnh. Đây là những điều khoản liên quan trực tiếp đến vấn đề bảo hộ đầu tư theo quy định tại ACIA. Mặt khác, Khoản 3 Điều 29 ACIA cũng quy định cơ chế ISDS này không có hiệu lực hồi tố, nói cách khác là không áp dụng đối với các tranh chấp phát sinh trước thời điểm Hiệp định có hiệu lực.

3.2 Thủ tục, biện pháp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp

Nhìn chung, ACIA khuyến khích các bên giải quyết tranh chấp bằng hòa giải, quy định trách nhiệm thực hiện tham vấn và đàm phán để giải quyết tranh chấp trước khi nhà đầu tư có tranh chấp đệ trình khiếu nại cho trọng tài. Thủ tục này có thể được khái quát theo Hình 1.



Hình 1. Sơ đồ thủ tục giải quyết tranh chấp theo cơ chế ISDS theo quy định của ACIA

Nguồn: Nhóm tác giả xây dựng

Về các biện pháp giải quyết tranh chấp, các quy định của ACIA vẫn theo hướng kế thừa các biện pháp giải quyết tranh chấp quốc tế truyền thống như Tham vấn (Consultations), Hoà giải (Conciliation) và Trọng tài (Arbitration). Ngoài ra, ACIA còn quy định về khả năng giải quyết tranh chấp tại Toà án.

Khi một khiếu nại được đưa ra, theo quy định của ACIA, các bên tranh chấp có nghĩa vụ tiến hành tham vấn trước khi có các biện pháp giải quyết tiếp theo.

Điều 31 ACIA quy định việc tham vấn phải được tiến hành trong vòng 30 ngày kể từ ngày nước thành viên có tranh chấp nhận được yêu cầu tham vấn, trừ trường hợp các bên tranh chấp có thỏa thuận khác.

Hòa giải là biện pháp giải quyết tranh chấp linh hoạt và có tính chất khuyến khích các bên giải quyết tranh chấp bằng hòa giải. Cụ thể, các bên tranh chấp có thể chấp nhận hòa giải bất cứ lúc nào (Điều 30, Khoản 1 ACIA). Thêm vào đó, ACIA cũng quy định theo hướng bảo vệ cao nhất đối với quyền lợi của nhà đầu tư, theo đó, đối với phương thức giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải, nhà đầu tư nước ngoài có quyền chủ động yêu cầu việc bắt đầu hoặc chấm dứt hòa giải.

Khi các bên tranh chấp tiến hành tham vấn và hoà giải không thành công, nhà đầu tư có thể thực hiện các bước tiếp theo là khởi kiện tại tòa án hoặc yêu cầu giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.

Thứ nhất, *khởi kiện tại tòa án*. Theo quy định tại Điều 33.1.a ACIA, nhà đầu tư có quyền khởi kiện chính phủ quốc gia tại tòa án hoặc tòa hành chính của nước thành viên có tranh chấp, với điều kiện tòa án hoặc tòa hành chính đó có thẩm quyền đối với khiếu nại của nhà đầu tư. Điều khoản này trao quyền cho các nhà đầu tư mang các tranh chấp ra giải quyết tại các tòa án của nước thành viên bị khiếu nại. Đối với Việt Nam, theo Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 chưa có quy định về thủ tục tiếp nhận và giải quyết vụ án tranh chấp đầu tư do nhà đầu tư của một nước thành viên ASEAN tại tòa án Việt Nam. Như vậy, có thể thấy rằng đây là một hạn chế đối với quyền khởi kiện của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Thứ hai, *yêu cầu giải quyết tranh chấp bằng trọng tài*. Đây là phương thức giải quyết có thể được các bên áp dụng sau khi đã tiến hành tham vấn và đàm phán nhưng không giải quyết được tranh chấp trong vòng 180 ngày kể từ ngày nước thành viên có tranh chấp nhận được yêu cầu tham vấn (Điều 32 ACIA). Theo quy định tại Điều 33 ACIA, nhà đầu tư có quyền yêu cầu giải quyết tại trọng tài theo một trong các quy tắc trọng tài: theo Công ước về giải quyết tranh chấp đầu tư giữa các quốc gia và các công dân quốc gia khác (ICSID) và Quy tắc trọng tài ICSID về Thủ tục tố tụng trọng tài, với điều kiện cả nước thành viên có tranh chấp và nước thành viên không có tranh chấp đều là các bên tham gia Công ước ICSID; theo nguyên tắc cơ sở bổ sung của ICSID, với điều kiện nước thành viên có tranh chấp hoặc nước thành viên không có tranh chấp là một bên tham gia Công ước ICSID; theo Quy tắc trọng tài của Ủy ban Liên Hợp Quốc về Luật Thương mại quốc tế (UNCITRAL); hoặc tại Trung tâm Trọng tài khu vực tại Kuala Lumpur hoặc bất kỳ trung tâm trọng tài khu vực nào khác trong ASEAN; hoặc tại một cơ sở trọng tài khác bất kỳ do các bên tranh chấp thỏa thuận. Đối với việc giải quyết theo “nguyên tắc cơ sở bổ sung của ICSID”, Điều 33 ACIA quy định nước thành viên của nhà đầu tư có tranh chấp là một bên tham gia Công ước ICSID. Hiện nay, có 3 quốc gia thành viên ASEAN không phải thành viên của Công ước ICSID là Việt Nam, Lào, Myanmar. Thái Lan đã ký kết Công ước vào ngày 6/12/1985 nhưng chưa tiến hành phê chuẩn³. Như vậy, theo quy định nói trên, nhà đầu tư từ bốn quốc gia thành viên này trong trường hợp muốn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài với chính phủ của các quốc gia thành viên ASEAN theo Công ước ICSID là không thể thực hiện được.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 34 ACIA, khi một tranh chấp đã được yêu cầu giải quyết bằng trọng tài, quốc gia thành viên sẽ không được đưa ra bất kỳ một biện pháp bảo hộ ngoại giao nào hoặc thực hiện một thủ tục khởi kiện quốc tế liên quan tới vụ

³ Xem danh sách các quốc gia ký kết Công ước ICSID (cập nhật đến 6/2021) tại địa chỉ <https://icsid.worldbank.org/sites/default/files/documents/ICSID3-June%202021.pdf>, truy cập ngày 1/7/2021

việc. Bên cạnh đó, theo quy định tại Khoản 4 Điều 33 ACIA, khi đã lựa chọn trọng tài để giải quyết, các bên tranh chấp có thể thỏa thuận sửa đổi quy tắc trọng tài bằng văn bản. So với các Hiệp ước về đầu tư giữa ASEAN - Hàn Quốc, ASEAN - Trung Quốc và ASEAN - Ấn Độ, các điều khoản của ACIA đã bổ sung các quy định cụ thể hơn như: ACIA đưa ra các điều khoản bổ sung cho bất kỳ một quy tắc trọng tài nào được áp dụng trong việc lựa chọn hội đồng trọng tài (Khoản 2 Điều 35); điều khoản về minh bạch để khuyến khích nhà nước là bị đơn công khai các quyết định trọng tài (Điều 39); điều khoản về giải thích từ ngữ của ACIA (Điều 40 (UNCTAD, 2014)).

3.3 Thi hành phán quyết

Về thi hành phán quyết, ACIA có quy định tương tự với các điều khoản của UNCITRAL và ICSID. Theo đó, ACIA tạo điều kiện cho các bên thỏa thuận giải quyết vụ việc trước khi có phán quyết cuối cùng từ hội đồng trọng tài (Điều 41, Khoản 1 ACIA; Điều 36 Quy tắc trọng tài UNCITRAL; Điều 43 Quy tắc trọng tài ICSID). Theo quy định tại Khoản 9 Điều 41 ACIA, các quốc gia thành viên có nghĩa vụ tổ chức thực thi phán quyết trọng tài trong lãnh thổ của mình. Tuy nhiên, ACIA không có quy định cụ thể nào hơn, do đó, việc thi hành phán quyết sẽ phụ thuộc hoàn toàn vào các quốc gia thành viên. Thời hạn thực hiện phán quyết được thực hiện theo quy định tại Điều 14, Khoản 7 ACIA, không vượt quá 120 ngày trong mọi trường hợp. Tại Việt Nam, hiện nay, chương V Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định trình tự thủ tục trong việc yêu cầu Tòa án công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam. Hiện tại, các quốc gia thành viên của ASEAN đều đã ký kết Công ước năm 1958 của Liên Hợp Quốc về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài (Công ước New York), điều này có thể tạo cơ sở cho việc đảm bảo các phán quyết của trọng tài được thực thi tại các thành viên ASEAN.

4. Thảo luận

4.1 Sự linh hoạt, phù hợp của cơ chế ISDS theo quy định của ACIA với đặc thù và mục tiêu hợp tác của ASEAN

ACIA xây dựng một Cơ chế ISDS mới với mong đợi sẽ mang lại một môi trường đầu tư hấp dẫn với các nhà đầu tư, đóng góp cho sự phát triển kinh tế và hội nhập của khu vực ASEAN. Cơ chế ISDS theo quy định của ACIA được đánh giá toàn diện hơn với những quy định cụ thể, chi tiết hơn cơ chế ISDS theo Hiệp định IGA trước đó, đồng thời phù hợp với những nhu cầu và đặc thù của khu vực.

Thứ nhất, ASEAN là một khu vực đa dạng về thể chế pháp lý, các quốc gia thành viên có hệ thống toà án và khung pháp lý rất khác biệt. Vì vậy, việc tạo ra cơ chế ISDS chung của khu vực sẽ khiến cho các nhà đầu tư ASEAN an tâm hơn đối với các khoản đầu tư tại nước ngoài khi cơ chế này cho phép nhà đầu tư không cần phải dựa vào các quy định cụ thể của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư mà có thể dựa vào các điều khoản của ACIA để khởi động thủ tục bảo vệ khoản đầu tư khi quyền và nghĩa

vụ của mình bị vi phạm tại nước tiếp nhận đầu tư (Nipawan, 2015). Mặt khác, nhà đầu tư cũng không cần phải có sự đồng ý của quốc gia mà mình mang quốc tịch đối với việc khởi động thủ tục khởi kiện hoặc thiết lập một thoả thuận với quốc gia tiếp nhận đầu tư. Các phán quyết về bồi thường thiệt hại cũng được thực hiện trực tiếp và thanh toán cho nhà đầu tư mà không cần thông qua quốc gia của họ (Nipawan, 2015). Mặt khác, việc ACIA dẫn chiếu tới Công ước ICSID, Quy tắc ICSID về Thủ tục tố tụng trọng tài nguyên tắc cơ sở bổ sung của ICSID (sau đây gọi chung là ICSID) hay quy tắc trọng tài UNCITRAL đã thể hiện sự tiến bộ của ACIA. ICSID hay quy tắc trọng tài UNCITRAL đều là những thiết chế được tin cậy chọn lựa để giải quyết tranh chấp không chỉ trong lĩnh vực đầu tư mà còn trong cả lĩnh vực thương mại nói chung. Các trung tâm trọng tài khu vực được ưu tiên lựa chọn theo quy định của ACIA cũng cho thấy sự phù hợp với các đặc điểm, nhu cầu của các quốc gia thành viên.

Thứ hai, cơ chế ISDS theo quy định của ACIA giúp tăng khả năng cạnh tranh và thu hút đầu tư của khu vực, góp phần hiện thực hoá 1 trong 5 yếu tố cốt lõi là tự do di chuyển đầu tư - mục tiêu quan trọng của thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất ASEAN. Trong một hiệp định đầu tư quốc tế, có thể nói rằng định nghĩa về nhà đầu tư là một trong các nhân tố chính xác định phạm vi quyền và nghĩa vụ của họ. Chỉ có các nhà đầu tư và hoạt động đầu tư của họ được hưởng lợi từ bảo hộ và đủ điều kiện để yêu cầu giải quyết tranh chấp theo các quy định của hiệp định, phù hợp với các tiêu chí xác định trong các hiệp định đầu tư quốc tế (Lakatos, 2014). Theo quy định của hai hiệp định về đầu tư của ASEAN trước đó là IGA và AIA, chỉ công dân của nước thành viên tham gia hiệp định mới được coi là “nhà đầu tư ASEAN”. ACIA đã mở rộng khái niệm nhà đầu tư ASEAN so với các hiệp định đầu tư trước đây, theo đó bao gồm cả các nhà đầu tư không phải công dân của các nước thành viên nhưng có quyền thường trú tại các quốc gia thành viên ASEAN. Như vậy, ACIA mở rộng khái niệm nhà đầu tư ASEAN, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài có thể tiến hành các hoạt động đầu tư một cách thuận lợi hơn tại khu vực, đồng thời, tăng sự hấp dẫn của môi trường đầu tư ASEAN bằng việc tăng cường các biện pháp bảo hộ đầu tư, trong đó có cơ chế ISDS.

Thứ ba, cơ chế ISDS theo quy định của ACIA thể hiện sự vận dụng linh hoạt “phương cách ASEAN” - quy tắc mang tính đặc thù hợp tác của khu vực. Mặc dù không được pháp điển hoá một cách rõ ràng trong các văn bản pháp lý của ASEAN, nhưng “phương cách ASEAN” được các quốc gia thành viên ngầm thừa nhận là quy tắc ứng xử trong quan hệ hợp tác của tổ chức (Leviter, 2010). “Phương cách ASEAN” bao gồm một số nguyên tắc như không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; ra quyết định theo phương thức tham vấn và đồng thuận; không sử dụng vũ lực, tránh đối đầu, căng thẳng trực tiếp trong quan hệ hợp tác; thông qua các diễn đàn, quy chế không chính thức để đàm phán, trao đổi, giải quyết những xung đột giữa các quốc gia... (Hồng & Hiệp, 2013). Điều này cũng được thể hiện rõ trong quy định về cơ chế ISDS của ACIA. Các biện pháp tham vấn, hoà giải có vai trò quan trọng trong cơ chế

ISDS của ACIA. Biện pháp giải quyết tranh chấp bằng trọng tài hay toà án chỉ được coi là biện pháp cuối cùng nếu không thể sử dụng các biện pháp nói trên nhằm tránh được sự đối đầu trực tiếp và chính thức giữa các bên tranh chấp. Mặt khác, giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp này giúp các bên có thể giữ được bí mật về toàn bộ các vấn đề liên quan đến vụ việc. Các điều khoản về minh bạch của ACIA cũng không có quy định bắt buộc mà chỉ mang tính khuyến khích (Điều 39 ACIA), tôn trọng các thoả thuận không công khai của các bên tham gia tranh chấp. Điều này phù hợp với truyền thống hợp tác của khu vực. Ngoài ra, việc ghi nhận chính thức các biện pháp này trong cơ chế ISDS cũng tạo điều kiện để các bên tranh chấp tiết kiệm nguồn lực và giúp các quốc gia thành viên giảm được nguy cơ phải chịu gánh nặng về chi phí của việc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài (Nipawan, 2015). Đây cũng là xu thế chung của thế giới khi ghi nhận vai trò của các biện pháp mang tính hoà giải linh hoạt trong giải quyết tranh chấp ISDS (Marshall, 2017).

Thứ tư, cơ chế ISDS theo quy định của ACIA có những điều khoản thể hiện sự đảm bảo chủ quyền quốc gia. Chẳng hạn như, theo các cơ chế ISDS thông thường, trọng tài sẽ có nghĩa vụ giải thích các điều khoản trong các thoả thuận đầu tư quốc tế, tuy nhiên, theo quy định của ACIA, toà trọng tài và các quốc gia thành viên ASEAN chia sẻ thẩm quyền giải thích các điều khoản liên quan tới tranh chấp (Nipawan, 2015). Theo quy định tại Khoản 2 Điều 40 ACIA, khi toà trọng tài hoặc một trong các bên tranh chấp yêu cầu, các quốc gia thành viên có thể gửi thoả thuận giải thích chung các điều khoản của Hiệp định tới Toà trọng tài. Như vậy, các quốc gia thành viên giữ lại thẩm quyền giải thích các điều khoản của ACIA liên quan tới vụ tranh chấp, thay vì phụ thuộc hoàn toàn về trọng tài giải quyết vụ việc. Mặc dù quy định này có thể được đánh giá là một hạn chế của cơ chế ISDS của ASEAN (sẽ được phân tích ở phần sau), tuy nhiên, quy định này cũng cho thấy sự ưu tiên đảm bảo quyền lợi của các quốc gia thành viên khi cân đối với nghĩa vụ bảo vệ nhà đầu tư nước ngoài (Nipawan, 2015; Marshall, 2017).

4.2 Hạn chế của cơ chế ISDS theo quy định của ACIA và một số gợi mở

ACIA được ký kết vào năm 2009, tuy nhiên sau một thời gian tương đối dài, cho tới nay, chưa có ghi nhận chính thức về một vụ việc nào sử dụng cơ chế ISDS của hiệp định này. Hầu hết các vụ việc ISDS giữa các quốc gia thành viên ASEAN được ghi nhận đều liên quan tới các điều khoản trong các hiệp định đầu tư song phương giữa các quốc gia (Hwee & cộng sự, 2018; UNCTAD, 2020b; Ewing-Chow, 2016). Điều này có thể giải thích bởi một số điểm hạn chế cơ bản trong cơ chế giải quyết tranh chấp của ACIA.

Thứ nhất, đối với hình thức giải quyết tranh chấp bằng toà án, theo quy định tại Điều 33.1.a ACIA, nhà đầu tư chỉ có thể khởi kiện chính phủ quốc gia tại toà án hoặc tòa hành chính của nước thành viên có tranh chấp nếu toà án hoặc tòa hành chính đó có thẩm quyền giải quyết đối với đơn kiện của nhà đầu tư. Mặt khác, khi lựa chọn

giải quyết tranh chấp bằng hình thức này, toà án quốc gia có thể có xu hướng ưu tiên, dành lợi thế cho chính phủ quốc gia trong tranh chấp. Hơn nữa, việc giải quyết tại toà án phụ thuộc rất nhiều vào năng lực của toà án quốc gia thành viên, có sự chênh lệch và khác biệt đáng kể giữa trình độ cũng như quy định về thủ tục của việc khởi kiện tại toà án các quốc gia thành viên. Do đó, quy định cho phép nhà đầu tư khởi kiện tại toà án các quốc gia thành viên ASEAN cũng khó có thể thực hiện trên thực tế.

Thứ hai, đối với biện pháp giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, sự phụ thuộc vào nước tiếp nhận đầu tư cũng thể hiện rõ trong các điều khoản của ACIA. Như đã nói ở trên, một trong những khác biệt đáng chú ý của cơ chế ISDS của ACIA so với các cơ chế ISDS khác là các quốc gia thành viên có thẩm quyền giải thích điều khoản của ACIA liên quan đến vụ việc tranh chấp. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 40, quyết định giải thích chung các điều khoản trong ACIA của các quốc gia thành viên sẽ ràng buộc đối với toà trọng tài và với bất kỳ quyết định hoặc phán quyết nào được ban hành khác liên quan tới điều khoản được giải thích về sau. Quy định như vậy có thể cho phép các quốc gia đưa ra các giải thích mới có lợi cho nước tiếp nhận đầu tư trong một vụ việc tranh chấp. Trong trường hợp này, ranh giới giữa việc “giải thích” và đưa ra các điều khoản mới của Hiệp định rất dễ nhầm lẫn. Việc đưa ra giải thích mới này có thể mang giá trị như một “Nghị định thư sửa đổi” hiệp định, mặc dù nó không tuân theo các thủ tục sửa đổi hiệp định chính thức được quy định tại Điều 46 ACIA (Nipawan, 2015).

Thứ ba, thiếu quy định về thực thi phán quyết trọng tài. ACIA trao quyền và trách nhiệm cho các quốc gia thành viên trong việc xây dựng các quy định nhằm công nhận và thi hành các phán quyết trọng tài liên quan đến vụ việc. Việc thực thi các phán quyết trọng tài phụ thuộc vào các quy định pháp luật của quốc gia trong việc công nhận và cho thi hành, vốn đã rất khác biệt ở nhiều quốc gia thành viên ASEAN. Không chỉ vậy, toà án quốc gia có quyền từ chối hay cho công nhận và thực thi phán quyết. Vì vậy, ASEAN cần phải có những thoả thuận, giải thích cụ thể hơn, có thể là trong Phụ lục mới của Hiệp định đưa ra một số nguyên tắc cơ bản, hoặc các quy định hài hoà hoá liên quan đến vấn đề này trong hệ thống pháp luật quốc gia thành viên, góp phần đưa cơ chế ISDS của ACIA được thực hiện trên thực tế hiệu quả.

Thứ tư, cơ chế ISDS của ACIA chưa có yêu cầu cụ thể về tính minh bạch. Theo quy định của Quy tắc về Minh bạch của UNCITRAL, minh bạch là một yêu cầu bắt buộc. Tuy nhiên, Điều 39 ACIA không yêu cầu bắt buộc về tính minh bạch trong quá trình giải quyết một vụ việc ISDS mà chỉ mang tính khuyến khích các quốc gia. Một trong những yếu tố đảm bảo sự minh bạch của cơ chế ISDS là ACIA chưa có quy định cụ thể về sự tham gia của một bên thứ ba vào tiến trình tranh chấp. Như đã nói ở trên, cơ chế ISDS của ACIA khẳng định tầm quan trọng của các biện pháp giải quyết tranh chấp bằng tham vấn, hoà giải. Các quy định của cơ chế ISDS của EU hoặc CETA đều có một Phụ lục quy định về vấn đề trung gian, hoà giải, như thủ

tục, lựa chọn bên thứ ba trung gian, việc thực thi các thỏa thuận đạt được và điều khoản chung về bí mật... Tuy nhiên ACIA không quy định cụ thể về các biện pháp này. Nếu đã được coi là một biện pháp quan trọng, ACIA cần bổ sung thêm điều khoản quy định cụ thể về các biện pháp này hoặc có riêng một Phụ lục tương tự như các Hiệp định về đầu tư khác như các Hiệp định của Liên minh Châu Âu (EU) hay Hiệp định thương mại tự do EU - Canada CETA (Nipawan, 2015).

Tóm lại, có thể thấy một trong những hạn chế cơ bản nhất của cơ chế ISDS theo quy định của ACIA là sự phụ thuộc tương đối vào chính sách, quy định pháp luật, có xu hướng ưu tiên quyền kiểm soát của các quốc gia thành viên đối với các vụ tranh chấp về đầu tư.

5. Kết luận

Cơ chế ISDS có vai trò rất quan trọng như một biện pháp bảo hộ đầu tư, tạo điều kiện cho một nhà đầu tư là cá nhân hoặc pháp nhân có thể khởi kiện nhà nước tiếp nhận đầu tư nếu nhà nước đó thực hiện các chính sách, quyết định trái với các nghĩa vụ được ghi nhận trong các thỏa thuận đầu tư giữa các bên, gây thiệt hại cho nhà đầu tư nước ngoài. Cơ chế ISDS một mặt góp phần bảo vệ cho các khoản đầu tư và nhà đầu tư nước ngoài tại nước tiếp nhận đầu tư, mặt khác giúp cho các nước tiếp nhận đầu tư tạo ra môi trường minh bạch, hấp dẫn, thu hút tốt hơn các dòng vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài. Vì vậy, ACIA với tư cách là hiệp định điều chỉnh toàn diện nhất các vấn đề về đầu tư trong khu vực đầu tư ASEAN, đã có những quy định tương đối hoàn chỉnh, cụ thể, rõ ràng về cơ chế ISDS trong khu vực đầu tư ASEAN. Cơ chế ISDS theo quy định của ACIA thể hiện sự phù hợp với đặc thù hợp tác của ASEAN ở nhiều mặt như: ghi nhận hòa giải và tham vấn là một tiến trình giải quyết tranh chấp chính thức, bắt buộc trước khi tiến tới các bước tiếp theo; lựa chọn các quy tắc trọng tài phổ biến và nổi tiếng cũng như nhấn mạnh tới việc sử dụng trọng tài của khu vực; quy định linh hoạt về sự minh bạch; đảm bảo quyền kiểm soát của các quốc gia thành viên trong quy định về giải thích pháp luật,... Tuy nhiên, cơ chế ISDS của ACIA cũng cho thấy quá trình giải quyết tranh chấp phụ thuộc đáng kể vào chính sách, quy định pháp luật của quốc gia thành viên tiếp nhận đầu tư, thể hiện rõ nét sự kiểm soát của nhà nước các quốc gia thành viên. Điều này gây ra các tác động không nhỏ với các quốc gia thành viên và các nhà đầu tư nước ngoài.

Như vậy, mặc dù đã có nhiều điểm tiến bộ, tạo điều kiện cho nhà đầu tư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thông qua cơ chế khởi kiện nhà nước tiếp nhận đầu tư, tuy nhiên, các quy định của ACIA vẫn còn hạn chế về khả năng thực thi hiệu quả các điều khoản trên thực tế. Các quốc gia thành viên ASEAN cần phải cân nhắc, tiếp tục có những sửa đổi, bổ sung phù hợp, theo đó cần phải đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của nhà nước với mục đích bảo hộ đầu tư. Điều này sẽ thúc đẩy sự phát triển khu vực đầu tư ASEAN một cách mạnh mẽ, tạo điều kiện thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, không chỉ trong khu vực ASEAN mà đối với cả dòng đầu tư ngoại khối.

Tài liệu tham khảo

- Chaisse, J. & Donde, R. (2017), “The state of investor-state arbitration: a reality check of the issues, trends, and directions in Asia-Pacific”, *The International Lawyer*, Vol. 51 No. 1, pp. 47 - 67.
- Ewing-Chow, M. (2016), Reforming the IIA System: Investment Arbitration in Asia-Pacific and ASEAN, PowerPoint Presentation in *Proceedings of Regional Seminar on IIAs and Sustainable Development, and 6th Meeting of the Asia-Pacific FDI Network*, pp. 1 - 2.
- Hồng, Đ.M. & Hiệp, L.H. (2013), *Thuật ngữ Quan hệ quốc tế*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Hsieh, P.L. & Mercurio, B. (2019), *ASEAN law in the new regional economic order: global trends and shifting paradigms*, Cambridge University Press.
- Hwee, W.K., Kirollos, K. & Cecilia Salta, M. (2018), “ASEAN investment report 2018: foreign direct investment and the digital economy in ASEAN”, https://unctad.org/system/files/official-document/unctad_aseanair2018d1.pdf, truy cập ngày 14/02/2021.
- Lakatos, A. (2014), “A guidebook to the ASEAN comprehensive investment agreement”, <https://trungtamwto.vn/file/16780/ICB-1%20Guidebook%20to%20the%20ASEAN%20Comprehensive%20Investment%20Agreement.pdf>, truy cập ngày 14/02/2021.
- Leviter, L. (2010), “The ASEAN Charter: ASEAN failure or member failure”, *New York University Journal of International Law and Politics.*, Vol. 43, pp. 159 - 209.
- Linh, N.P. (2018), “Cơ chế tài phán đầu tư trong EVFTA và sự chuẩn bị của Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế đối ngoại*, Số 102, tr. 96 - 103.
- Marshall, M. (2017), “Investor-state dispute settlement reconceptualized: Regulation of disputes, standards and mediation”, *Pepperdine Dispute Resolution Law Journal*, Vol. 17, pp. 233 - 262.
- Ngân, V.K. (2021), “Chủ động ứng phó với tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà nước tiếp nhận đầu tư: một số lưu ý cho Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế*, Số 138, tr. 124 - 136.
- Nipawan, P. (2015), “The ASEAN way of investment protection : an assessment of the ASEAN comprehensive investment agreement”, <http://theses.gla.ac.uk/id/eprint/6954>, truy cập ngày 14/07/2021.
- Roberts, A. (2014), “State-to-state investment treaty arbitration: a hybrid theory of interdependent rights and shared interpretive authority”, *Harvard International Law Journal*, Vol. 55, No. 1, https://papers.ssrn.com/sol3/Data_Integrity_Notice.cfm?abid=2315078, truy cập ngày 14/02/2021.
- The ASEAN Secretariat. (2009), “Roadmap for an ASEAN Community 2009 - 2015”, https://www.asean.org/storage/images/ASEAN_RTK_2014/2_Roadmap_for_ASEAN_Community_20092015.pdf, truy cập ngày 14/02/2021.
- Tuấn, B.Q. (2010), “Quyền miễn trừ của quốc gia trong Tư pháp quốc tế Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp điện tử*, Số 13, tr. 14 -21.
- UNCTAD. (2014), *Investor-State Dispute Settlement. UNCTAD Series on Issues in International Investment Agreements II*, UNCTAD New York and Geneva.
- UNCTAD. (2020a), “Investor-state dispute settlement cases pass the 1,000 mark: cases and outcomes in 2019”, <https://unctad.org/system/files/official-document/diaepcbinf2020d6.pdf>, truy cập ngày 14/02/2021.
- UNCTAD. (2020b), “Investment dispute settlement navigator”, <https://investmentpolicy.unctad.org/investment-dispute-settlement?id=229>, truy cập ngày 14/02/2021.